TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 841/2018/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 28 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 1331/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990
Hộ khẩu thường trú: tổ 26, ấp T, xã P, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
Tạm trú: tổ 43, khu phố 8, phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
*Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1986
Hộ khẩu thường trú: tổ 26, ấp T, xã P, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
Tạm trú: tổ 43, khu phố 8, phường L, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Võ Anh T, sinh ngày 10/4/2009. Khi ly hôn, giao cho bà L nuôi con, mỗi tháng ông T cấp dưỡng 3.000.000đồng từ tháng 7/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, ông T và bà L được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí Hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện nộp 150.000đ án phí HNGĐ, và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai số 007498 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.B.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hồng